

Số: 22/2020/TT-BTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020

THÔNG TƯ

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường**

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với việc khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường của cơ quan nhà nước phục vụ cho mục đích quy định tại khoản 5 Điều 32 Luật Khí tượng thủy văn, Điều 23 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp phí;
2. Tổ chức thu phí;

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường và thu, nộp phí.

Điều 3. Tổ chức thu và người nộp phí

1. Tổ chức thu phí bao gồm:

a) Trung tâm Thông tin và Dữ liệu môi trường trực thuộc Tổng cục Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường);

b) Các cơ quan được các Bộ, cơ quan ngang Bộ giao cung cấp thông tin dữ liệu về môi trường;

c) Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cung cấp thông tin, dữ liệu về môi trường tại các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này phải nộp phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường.

Điều 4. Mức thu phí

1. Mức thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường được quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 áp dụng mức phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường bằng 70% mức quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. kê khai, nộp phí

1. Người nộp phí thực hiện nộp trực tiếp cho tổ chức thu phí hoặc nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc nhà nước. Trường hợp tổ chức thu phí thực hiện thu phí theo hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thì thực hiện nộp phí theo thông báo của tổ chức thu phí.

2. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

3. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 6. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được trích lại 70% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; nộp 30% số tiền phí thu

được vào ngân sách nhà nước theo Chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc cung cấp dữ liệu và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

Điều 7. Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~26~~ tháng 5 năm 2020.

2. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./. 

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai

**BIỂU MỨC THU PHÍ KHAI THÁC
VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VỀ MÔI TRƯỜNG**
(kèm theo Thông tư số 22/2020/TT-BTC ngày 10 tháng 4 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số TT	Loại tài liệu	Đơn vị tính	Mức phí * (đồng)
I	Hồ sơ, tài liệu, báo cáo chuyên đề môi trường		
1	Hồ sơ, tài liệu: quản lý chất lượng môi trường; quản lý chất thải và cải thiện môi trường; bảo tồn đa dạng sinh học; truyền thông môi trường; quản lý môi trường lưu vực sông, ven biển và biển	Báo cáo	800.000
2	Báo cáo kết quả quan trắc môi trường (theo đợt/năm): không khí xung quanh; nước mặt (sông, hồ); nước biển ven bờ; nước mưa; nước dưới đất; trầm tích (sông, nước biển); môi trường đất	Báo cáo	800.000
II	Bản đồ		
1	Bản đồ mạng lưới quan trắc (nước mặt, không khí, đất)		
a	Bản đồ mạng lưới quan trắc tỷ lệ 1/250.000	Mảnh	4.000.000
b	Bản đồ mạng lưới quan trắc tỷ lệ 1/100.000	Mảnh	2.290.000
c	Bản đồ mạng lưới quan trắc tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	1.090.000
d	Bản đồ mạng lưới quan trắc tỷ lệ 1/25.000	Mảnh	870.000
2	Bản đồ hiện trạng môi trường (nước mặt, không khí, đất)		
a	Bản đồ hiện trạng môi trường tỷ lệ 1/250.000	Mảnh	4.000.000
b	Bản đồ hiện trạng môi trường tỷ lệ 1/100.000	Mảnh	2.290.000
c	Bản đồ hiện trạng môi trường tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	1.090.000
d	Bản đồ hiện trạng môi trường tỷ lệ 1/25.000	Mảnh	870.000
3	Bản đồ nhạy cảm môi trường các vị trí, khu vực trọng điểm của Việt Nam		
a	Bản đồ nhạy cảm môi trường tỷ lệ 1/250.000	Mảnh	4.000.000
b	Bản đồ nhạy cảm môi trường tỷ lệ 1/100.000	Mảnh	2.290.000
c	Bản đồ nhạy cảm môi trường tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	1.090.000
d	Bản đồ nhạy cảm môi trường tỷ lệ 1/25.000	Mảnh	870.000